TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31-01-2023 V/v: "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.
2. Ông Hoài Đức Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 565/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1981.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố PM, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 11/5/2009. Việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Anh P luôn nghi ngờ và xúc phạm chị B. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng nên chị B đã dọn ra ngoài sinh sống, vợ chồng ly thân. Chị B nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị B và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/10/1998 và cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/4/2009. Cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu V hiện đang sống cùng chị B, sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị B khai không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2022.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Thanh P nhưng anh P không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh P. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/4/2009 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Chị B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về nợ chung: Chị B khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, anh P hiện đang cư trú tại: khu phố PM, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N đúng theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B và anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Thanh P có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 11 tháng 5 năm 2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P. Tại các biên bản làm việc tại Tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh P.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh P đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P không chấp hành mà không có lý do, thể hiện anh P không có thiện chí hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị B đều cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P không tin tưởng chị, thường nghi ngờ và xúc phạm chị dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh P đã sống ly thân một thời gian. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, cho chị B được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị B và anh P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/10/1998 và cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/4/2009. Cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Cháu V hiện đang sống cùng chị B, sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu V cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị B khai không có, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Chị B khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Thanh P.

Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 22/4/2009 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008624 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã LP;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang